TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số: **98**/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *M, ngày 19 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa:

- *N đơn:* Anh **Đặng Văn N**, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 10, thôn D, xã L, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 10, thôn D, xã L, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm T nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc Tận tình ly hôn và thoả Tận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự Tận tình ly hôn giữa anh **Đặng Văn N** và chị **Nguyễn Thị T**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01, cấp ngày 09/10/2014 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, Thành phố Hà Nội cấp cho anh Đặng Văn N và chị Nguyễn Thị T không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả Tận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Đặng Văn N và chị Nguyễn Thị T đều xác nhận có 01 con chung. Giao cháu **Đặng Minh T**, sinh ngày 11/5/2015 cho anh Đặng Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc có thoả Tận khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T đến khi có yêu cầu mới.

Chị Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung:

Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí:

Anh Đặng Văn N và chị Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn)* án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của anh N chịu cả phần án phí thay cho chị T nên anh N phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)* án phí. Xác nhận anh N đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **2280** ngày 07/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, Thành phố Hà Nội. Nay anh N được hoàn lại 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện M;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lâm Bình